

Số: 333/BC-UBND

Quảng Bình, ngày 22 tháng 11 năm 2021

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022**

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, năm đầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo các kết luận, nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng, là tiền đề có ảnh hưởng không nhỏ đến những năm tiếp theo.

Năm 2021, tình hình dịch bệnh đặc biệt là đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Những khó khăn, thách thức này đã, đang tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề, chưa có khả năng phục hồi; nhiều hoạt động kinh tế - xã hội ngưng trệ đã ảnh hưởng rất lớn, sâu và rộng đến mọi mặt của kinh tế - xã hội, làm đình trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, công nghiệp, ảnh hưởng mạnh đến tâm lý, thu nhập và đời sống nhân dân, tác động trực tiếp đến các ngành xuất nhập khẩu, du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, lao động việc làm, nhiều doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô, ngừng hoạt động thời gian khá dài.

Tuy vậy, nhờ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự chủ động tích cực của các cấp, các ngành, các đơn vị nên năm 2021 tình ta cơ bản đã hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách theo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua, góp phần duy trì ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương (kèm theo phụ lục số 01), cụ thể:

A. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021.

Năm 2021, việc điều hành và thực thi hoạt động thu ngân sách nhà nước trong bối cảnh nền kinh tế tỉnh nhà còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Tổng Cục Thuế, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai quyết liệt nhiều giải pháp linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương nhằm đạt mục tiêu kép vừa đảm bảo phòng chống dịch, vừa hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021.

Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện cả năm: 14.311,4 tỷ đồng, đạt 109,2% so với dự toán địa phương, trong đó:

I. Thu tại địa bàn:

Dự toán giao thu ngân sách tại địa bàn năm 2021 Trung ương giao là 4.393,4 tỷ đồng; HĐND tỉnh giao là: 5.428,4 tỷ đồng. Ước năm 2021 đạt: 6.493,6 tỷ đồng, đạt 147,8% dự toán Trung ương giao; đạt 119,6% dự toán địa phương giao, tăng 8,96% so với thực hiện năm 2020.

1. Thu nội địa

Dự toán giao thu cân đối ngân sách Trung ương giao là 4.178,4 tỷ đồng; HĐND tỉnh giao là: 4.928,4 tỷ đồng. Ước năm 2021 đạt: 5.776,6 tỷ đồng, đạt 138,2% dự toán Trung ương giao; đạt 117,2% dự toán địa phương giao, bằng 100% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Trong tổng số 16 khoản thu cân đối ngân sách địa phương những khoản thu ước đạt như sau: Có 14/16 khoản thu ước đạt và vượt dự toán địa phương giao (trên 100%), cụ thể: Thu từ DNNN Trung ương 106,9%; Thu từ Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài 145,71%; Thu từ khu vực kinh tế NQD 111,5%; Thu lệ phí trước bạ 104,2%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 117,2%; Thu thuế thu nhập cá nhân 115,2%; Thu phí, lệ phí 101,9%; Thu tiền sử dụng đất 127,2%; Thuế bảo vệ môi trường 107,4%; Thu khác ngân sách 107,1%; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản 106,6%; Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 108,9%; Thu từ xổ số kiến thiết ước đạt 104,6% và thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia NSDP hưởng 351,7%.

Có 02 khoản thu ước chưa đạt dự toán đó là khoản thu từ DNNN địa phương ước đạt mới chỉ được 73,41% và khoản tiền thuê đất ước đạt 98,2% so với dự toán.

Nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2021:

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ các tháng đầu năm 2021 trong điều kiện tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do diễn biến phức tạp của đại dịch

Covid-19, tiếp tục khắc phục hậu quả lũ lụt lịch sử tháng 10 năm 2020; quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất, chất lượng, hiệu quả chưa cao; dịch bệnh, thiên tai diễn biến phức tạp, đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó nợ đọng vốn xây dựng cơ bản chưa được giải quyết dứt điểm, nhiều dự án trọng điểm của tỉnh chậm triển khai đã tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư còn chậm, nợ công cao, xử lý nợ xấu còn nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến thu ngân sách của địa phương.

- Ngày 19/4/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất, và một số chính sách khác nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và góp phần hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Số tiền thuế, tiền thuê đất, tiền chậm nộp được hỗ trợ gây áp lực lên cân đối ngân sách nhưng thể hiện sự đồng hành, quan tâm của Chính phủ góp phần hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19 để có thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân góp phần vào phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

- Năm 2021, đối mặt với đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 diễn biến hết sức phức tạp trên phạm vi cả nước đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, du lịch, hoạt động xuất nhập khẩu, nhưng ngành Thuế và Hải quan đã tập trung thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế mà Chính phủ đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021; triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý thu ngay từ đầu năm; tập trung đánh giá kết quả thu năm 2020, xây dựng kịch bản thu ngân sách năm 2021 ứng phó với dịch bệnh; dự báo sát tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng sắc thuế, rà soát, xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp về chính sách và quản lý thu hiệu quả. Vì vậy số thu ngân sách nhà nước trong năm 2021 vẫn đạt dự toán được giao.

Thu ngân sách tuy hoàn thành vượt mức dự toán do HĐND tỉnh giao về cả tổng số và số thu trừ tiền sử dụng đất nhưng không đồng đều giữa các loại thu sắc thuế. Trong đó có nhiều khoản thu quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn nhưng

đạt còn thấp so với dự toán tính như: thu từ DNNN Địa phương (đạt 73,41%), thu tiền thuê đất (đạt 98,23%); thất thu thuế đối với một số địa bàn và ở một số lĩnh vực vẫn còn, nhất là các lĩnh vực như: Kinh doanh du lịch, dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, cho thuê nhà, tài sản, hoạt động xây dựng tư nhân, kinh doanh vận tải tư nhân...

- Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã được triển khai tích cực song số nợ thuế vẫn đang còn ở mức cao. Ước đến ngày 31/12/2021 tổng nợ thuế toàn tỉnh là: 470 tỷ đồng, tăng 16 tỷ đồng (tăng 3,5%) so với thời điểm 31/12/2020.

+ Nợ khó thu (không có khả năng thu) của các đơn vị giải thể, phá sản, bỏ địa điểm kinh doanh là 55 tỷ đồng, chiếm 12%, giảm 27 tỷ đồng và bằng 67% so với thời điểm 31/12/2020.

+ Nợ có khả năng thu là 415 tỷ đồng, chiếm 88%, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 43 tỷ đồng (tăng 11%).

Nguyên nhân nợ tăng cao là do các đơn vị nợ thuế gặp khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, thu hồi công nợ, khả năng thanh toán thấp dẫn đến nợ thuế; một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản, khu nghỉ dưỡng chậm triển khai làm phát sinh khoản nợ tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... Bên cạnh đó là ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số doanh nghiệp, người nộp thuế chưa cao, còn chây ì, chiếm dụng tiền thuế. Sự phối hợp giữa các cấp các ngành trong tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong thu hồi và cưỡng chế nợ thuế còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Ngoài ra cũng thấy được nguyên nhân khách quan của việc nợ tăng cao đó là do thiên tai, bão lụt cuối năm 2020 tại các tỉnh miền Trung. Đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại đã làm thiệt hại nặng nề, sản xuất kinh doanh thua lỗ, nhiều đơn vị phải ngừng hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn nguồn tài chính để nộp tiền thuế nợ cho NSNN.

2. Thu thuế xuất nhập khẩu:

Dự toán thu thuế xuất nhập khẩu ngân sách Trung ương giao là 215 tỷ đồng; HĐND tỉnh giao là: 500 tỷ đồng. Ước thực hiện năm 2021 là: 717 tỷ đồng, bằng 333,5 % so với dự toán Trung ương giao, bằng 143,4% dự toán địa phương giao và tăng 267,3% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Số thu thuế xuất nhập khẩu tăng đột biến, vượt chỉ tiêu so với dự toán Trung ương và địa phương giao và so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân tăng thu vượt bậc thuế xuất nhập khẩu là do thu thuế nhập thiết bị thực hiện các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh.

II. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:

Trong năm, Bộ Tài chính đã bổ sung kinh phí kịp thời theo dự toán, cũng như các khoản ngoài dự toán, các khoản chế độ tăng thêm và các chính sách về an sinh xã hội theo chế độ quy định.

Tổng số kinh phí bổ sung trong năm: 7.633,1 tỷ đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối : 4.636,7 tỷ đồng;
- Bổ sung có mục tiêu từ NSTW : 2.562,8 tỷ đồng,
- Bổ sung làm lương : 433,5 tỷ đồng.

Các khoản Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ: bầu cử Đại biểu quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026; một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19 và kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội.

III. Về thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố:

Dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho các huyện, thị xã thành phố: 3.464.030 triệu đồng; Ước đạt 4.202.130 triệu đồng, đạt 121,3% so với dự toán tỉnh giao, trong đó: Huyện Minh Hóa đạt 101,7%; Tuyên Hóa đạt 114,1%; Quảng Trạch đạt 160,2%; Ba Đồn đạt 115,5%; Bố Trạch đạt 171,1%; Đồng Hới đạt 101,3%; Quảng Ninh đạt 142,8% và huyện Lệ Thủy đạt 147,3%. Các huyện cơ bản ước thu đạt dự toán.

B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG.

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các ngành, các cấp về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ theo đúng dự toán được duyệt, sử dụng ngân sách triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện.

Dự toán chi NSNN năm 2021, HĐND tỉnh quyết định là 12.264 tỷ đồng. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2021 là 13.217 tỷ đồng, bằng 114,8% dự toán Trung ương giao, đạt 107,7% dự toán HĐND tỉnh giao.

I. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 11.398 tỷ đồng. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: ước đạt 3.753,1 tỷ đồng, bằng 151% dự toán Trung ương giao, bằng 124,4% dự toán địa phương giao, giảm 10,4% so với cùng kỳ (bao gồm thanh toán kế hoạch vốn kéo dài năm 2020 chuyển sang).

Nhằm thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch

phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã triển khai kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2021, trong đó đã quán triệt, xác định rõ nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ rất quan trọng của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị góp phần tăng trưởng kinh tế trong điều kiện dịch bệnh Covid-19. Lũy kế thanh toán vốn kế hoạch vốn năm 2021 từ đầu năm đến hết ngày 20/11/2021 đạt 58% so với kế hoạch giao, ước cả năm tỷ lệ giải ngân đạt 82%.

Mặc dù đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, tuy nhiên giải ngân vốn đầu tư vẫn còn chậm. Nguyên nhân là do: Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài; ảnh hưởng nặng nề của các đợt lũ lịch sử năm 2020; giá vật liệu tăng cao, việc huy động nhân công và công tác tập trung nhân lực đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án gặp nhiều khó khăn. Một số dự án chuyên tiếp đang triển khai phải tạm dừng do điều kiện khách quan; một số dự án gặp vướng mắc khách quan do địa hình, địa chất phải dừng thi công để giải quyết, xử lý; vướng mắc về bồi thường giải phóng mặt bằng, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế..., từ đó, làm chậm công tác thi công và giải ngân vốn của các dự án. Một số chủ đầu tư còn chưa quyết liệt, chủ động triển khai từ đầu năm mà phải chờ đôn đốc, chỉ đạo từ cấp trên. Đặc biệt, trên địa bàn tỉnh, một số địa phương phải thực hiện giãn cách theo Chỉ thị số 16 (tháng 8 và tháng 9-2021), các công trình tạm dừng thi công, các đơn vị thi công ở ngoại tỉnh cũng không huy động nhân lực đến công trường, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn.

2. Chi thường xuyên: đạt 7.601 tỷ đồng, bằng 118,6% dự toán Trung ương giao, bằng 105,4% dự toán địa phương giao, tăng 14% so với cùng kỳ (chủ yếu tăng các nội dung chi phòng, chống dịch).

Trong bối cảnh diễn biến dịch Covid-19 và những khó khăn, thách thức, Tỉnh ta đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện “mục tiêu kép” vừa tập trung cao độ phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân vừa triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh nhằm phục hồi phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an sinh xã hội.

Nhìn chung điều hành chi ngân sách cơ bản theo tiến độ dự toán; công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao. Tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt

kinh phí thực hiện phòng chống dịch bệnh, hạn hán và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 về phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2021 của Chính phủ; Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính về tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các ngành thực hiện một số biện pháp điều hành ngân sách các tháng còn lại. Trong đó về lĩnh vực chi thường xuyên thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên và cắt giảm 50% chi công tác, hội nghị kể từ ngày 15/6. Số chi tiết kiệm được là 30.077 triệu đồng (ngân sách cấp tỉnh là 12.856 triệu đồng; ngân sách huyện, thị xã, thành phố 17.221 triệu đồng).

Ngoài ra UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo cắt giảm tối thiểu 50% chi phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại trong năm 2021 và tiết kiệm thêm 10% kinh phí chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021 không tính tiền lương và các khoản thu nhập khác; thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai để bổ sung dự phòng ngân sách địa phương, tập trung kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19.

Về đảm bảo nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

Từ ngày 24/8/2021 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh diễn biến hết sức phức tạp, số lượng F0, F1 tăng nhanh, gây áp lực rất lớn cho công tác truy vết, tổ chức xét nghiệm, lấy mẫu diện rộng, khử khuẩn... và chăm sóc, điều trị người nhiễm Covid-19. Nhằm sớm kiểm soát dịch bệnh, đưa cuộc sống của người dân trở lại trạng thái bình thường mới, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh; trong thời gian qua các cấp, các ngành, các địa phương và các tổ chức đoàn thể chính trị đã huy động mọi nguồn lực (con người, tài sản, vật chất) để phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19. Tính đến ngày 20/10/2021, tổng nguồn lực chi cho công tác phòng chống dịch Covid của ngân sách cấp tỉnh là: 273 tỷ đồng (Trong đó bao gồm: 50% nguồn dự phòng ngân sách tỉnh là 40,5 tỷ đồng; điều chỉnh bổ sung nguồn dự phòng lần 1 là 42,2 tỷ đồng từ 10% tiết kiệm chi tăng thêm; điều chỉnh bổ sung lần 2 đối với 50% số dư các nguồn còn lại đến 27/8/2021 là 78,4 tỷ đồng; Ghi thu ngân sách 70% quỹ dự trữ tài chính với số tiền: 53 tỷ đồng; chuyển số dư nguồn phòng, chống dịch năm 2020 sang: 59 tỷ đồng).

Số kinh phí đã chi cho công tác phòng, chống dịch Covid 19 đến 30/11/2021 là 258 tỷ đồng (Trong đó bao gồm mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm, trang thiết bị, vật tư, dụng cụ y tế khám chữa bệnh: 128 tỷ đồng; kinh phí chi trả một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 theo Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 08/2/2021, kinh phí mua phục vụ các khu cách ly tập trung, các chốt kiểm soát dịch và kinh phí phòng, chống dịch khác: 93 tỷ đồng, Kinh phí hỗ trợ người lao động theo Nghị quyết 68/NQ-CP: 37 tỷ đồng).

Ngoài các chính sách quy định tại Nghị quyết 16/NQ-CP, theo yêu cầu phòng, chống dịch, UBND tỉnh đã báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy trích ngân sách tỉnh để vận chuyển người dân hoàn thành cách ly tại các cơ sở cách ly tập trung của tỉnh quản lý trở về địa phương (nội tỉnh), và người dân đã điều trị khỏi bệnh.

Thực hiện các quy định của Nghị quyết 68/NQ-CP ngày ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1273/KH-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg để triển khai hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch Covid-19. Đến nay số kinh phí ngân sách cấp tỉnh đã chi hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã là 30,985 tỷ đồng, trong đó riêng đối tượng lao động tự do do ngân sách địa phương tự đảm bảo là 20,316 tỷ đồng.

Trên cơ sở rà soát tình hình thực tế phát sinh trong quá trình triển khai tại các cơ sở điều trị bệnh nhân F0. Việc hỗ trợ thêm tiền ăn đối với bệnh nhân nhiễm Covid-19 (F0) nhằm tạo điều kiện cho công tác điều trị có hiệu quả, đảm bảo chăm sóc chu đáo, tăng chế độ dinh dưỡng tốt hơn góp phần giúp bệnh nhân sớm khỏi bệnh. Do đó UBND tỉnh đã báo cáo Thường trực tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh về chính sách quy định hỗ trợ thêm tiền ăn cho bệnh nhân F0 với mức là 50.000 đồng/người/ngày (ngoài mức hỗ trợ quy định Nghị quyết 68/NQ-CP).

Trước tình trạng dịch bệnh có những diễn biến hết sức phức tạp, kéo dài, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài vì số ca nhiễm không ngừng tăng. Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid -19 tỉnh đã khẩn trương phối hợp với Thành phố Hồ chí Minh và các tỉnh phía Nam tổ chức 02 đợt đưa đón công dân Quảng Bình trở về quê. Đến nay, kinh phí

ngân sách tỉnh đã tạm cấp số kinh phí 3,3 tỷ đồng cho Sở Giao thông vận tải để thanh toán cho các đơn vị vận tải.

Ngoài ra, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, tỉnh đã trích ngân sách để ủng hộ công tác phòng, chống dịch 2 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang trên tinh thần “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách” với tổng số kinh phí 800 triệu đồng.

3. Chi trả nợ do chính quyền địa phương vay

- Số dư các khoản vay nợ đến 31/12/2020 : 229,1 tỷ đồng.
- Số đã vay trong 6 tháng đầu năm : 21,8 tỷ đồng.
- Số đã thực hiện trả nợ theo cam kết : 313 triệu đồng.
- Kế hoạch vay trong kỳ : 184,7 tỷ đồng.
- Dự kiến dư nợ đến 31/12/2021 : 400,2 tỷ đồng.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: Bổ sung Quỹ hàng năm 1.000 triệu đồng, theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Chi dự phòng ngân sách.

Tổng nguồn dự phòng ngân sách địa phương năm 2021: 203,6 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh: 89,9 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 113,7 tỷ đồng. Cơ bản các địa phương sử dụng đúng mục đích, chi chi cho các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai và xử lý các nhu cầu cấp thiết về an sinh xã hội...

Nhằm sớm kiểm soát dịch bệnh, đưa cuộc sống của người dân trở lại trạng thái bình thường mới, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh uỷ và Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh; trong thời gian qua các cấp, các ngành, các địa phương và các tổ chức đoàn thể chính trị đã huy động mọi nguồn lực (con người, tài sản, vật chất) để phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19. Tỉnh đã trích 50% nguồn dự phòng ngân sách tỉnh là 40,5 tỷ đồng để chi cho công tác phòng chống dịch bệnh đồng thời điều chỉnh bổ sung nguồn dự phòng từ các nguồn tiết kiệm chi tăng thêm để bổ sung nguồn lực cho công tác phòng chống dịch bệnh với số tiền 120 tỷ đồng.

II. Chi vốn bổ sung có mục tiêu.

Ước thực hiện: 1.818,9 tỷ đồng đạt 100% dự toán Trung ương giao, trong năm Trung ương bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ. Khoản chi này luôn đảm bảo chi theo mục tiêu, nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước.

III. Cân đối thu - chi ngân sách năm 2021: Đảm bảo cân đối.

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, sức cầu tiêu dùng của xã hội, từ đó tác động đến số thu, chi và cân đối NSNN năm 2021. Tuy nhiên UBND tỉnh đã chỉ đạo tích cực và quyết liệt các ngành, các cấp với nhiều giải pháp đồng bộ, linh hoạt nên thu ngân sách đạt dự toán được giao. Về công tác điều hành chi ngân sách đã theo đúng chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính, đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cấp các ngành và các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt đảm bảo nguồn lực chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước mới, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025.

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 của tỉnh; căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đã được Chính phủ và Bộ Tài chính giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước tỉnh năm 2022 (kèm theo phụ lục số 02), cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

1. Thu ngân sách năm 2022

Dự toán thu Ngân sách năm 2022 được xây dựng tích cực, khả thi với tinh thần phấn đấu, nỗ lực cao nhất, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu. Trong bối cảnh vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro, khó khăn trong năm 2021 nên dự toán ngân sách năm 2022 được xây dựng trên cơ sở phân tích, dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế; tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2021 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2022. Phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2022 không kê thu tiền sử



dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 6-8% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách).

UBND tỉnh cơ bản dự kiến một số khoản thu năm 2022 cụ thể như sau:

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2022 dự kiến: 6.000 tỷ đồng, tăng 11% so với dự toán năm 2021 và giảm 8% so với ước thực hiện năm 2021, trong đó:

+ Thu nội địa: 5.600 tỷ đồng, tăng 14% so với dự toán năm 2021 và giảm 3% ước thực hiện năm 2021.

+ Thu thuế xuất nhập khẩu dự kiến: 400 tỷ đồng, giảm 20% so với dự toán năm 2021 và giảm 44% so ước thực hiện năm 2021.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 7.840,9 tỷ đồng, tăng 5% tương ứng số kinh phí tăng 345,6 tỷ đồng so với dự toán năm 2021.

- Thu vay lại Chính phủ: 422 tỷ đồng

2. Chi ngân sách nhà nước năm 2022

Dự toán chi NSNN năm 2022 bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được HĐND tỉnh thông qua; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII).

Dự toán chi NSNN năm 2022 được xây dựng trên nguyên tắc công khai, minh bạch, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; trên cơ sở rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Trên cơ sở số thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng và bổ sung của ngân sách cấp trên, năm 2022, xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo và các chế độ về an sinh xã hội mới ban hành và cân đối còn thiếu năm 2021.

Cụ thể:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 dự kiến: 13.528,4 tỷ đồng, tăng 10% so với dự toán năm 2021, trong đó:

- a. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương : 10.983,9 tỷ đồng, bao gồm:
 - Chi đầu tư phát triển : 3.724,3 tỷ đồng;
 - Chi thường xuyên : 6.883,6 tỷ đồng;
 - Chi dự phòng ngân sách : 309,3 tỷ đồng;
 - Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính : 1 tỷ đồng;
 - Chi trả nợ gốc và lãi vay : 65,6 tỷ đồng;
- b. Chi vốn chương trình mục tiêu : 2.544,4 tỷ đồng.

3. Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

- Về phương án phân bổ vốn đầu tư:

Ưu tiên bố trí dự toán năm 2022 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 4, Điều 101 Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2022; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN thực hiện các dự án, công trình phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo hình thức đối tác công tư (PPP); cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với tiến độ thực hiện và giải ngân trong năm 2022.

(Có phương án phân bổ riêng do Sở Kế hoạch & Đầu tư báo cáo).

- Về chi thường xuyên:

Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công; nội dung trình nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022; chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các cơ quan và các địa phương xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

(Chi tiết dự toán ngân sách cấp tỉnh và dự toán ngân sách cấp huyện có Tờ trình riêng).

II. Các giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán ngân sách năm 2022:

Tình hình kinh tế, xã hội năm 2022 dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, sẽ ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đời sống của người dân, tác động hạn chế đến sự phát triển kinh tế- xã hội và thu NSNN trên địa bàn, đồng thời phát sinh nhiều nhu cầu chi, trong đó có một số chế độ Trung ương quy định nhưng địa phương phải đảm bảo kinh phí. Do đó, để hoàn thành tốt nhiệm vụ tài chính – ngân sách và giữ vững cân đối NSNN năm 2022, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành các cấp và các đơn vị tập trung triển khai thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

Các sở, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các dự án trọng điểm theo đúng tiến độ góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho NSNN; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế, Hải quan nắm chắc nguồn thu để thực hiện các giải pháp đồng bộ để tăng thu, nhất là các địa bàn, lĩnh vực, doanh nghiệp có nguồn thu lớn. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn về thuế, đặc biệt là cách tiếp cận để đề ra các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ, phục vụ người nộp thuế một cách hiệu quả, thiết thực. Tổ chức đối thoại thường xuyên với người nộp thuế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh để tăng thu cho NSNN.

2. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế.

- Cơ quan Thuế, Tài chính các cấp: Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp thu hồi nợ thuế, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế nhằm thu dứt điểm nợ thuế có khả năng thu năm 2021 chuyển sang, hạn chế nợ mới phát sinh; phân loại các khoản nợ thuế để thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định. Báo cáo kịp thời UBND các cấp để chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn phối với cơ quan thuế trong việc đôn đốc, thu hồi và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo pháp luật quy định.

- Tiếp tục thực hiện các đề án, kế hoạch về công tác chống thất thu trong các lĩnh vực: xăng dầu, khai thác khoáng sản, xây dựng vận tải, dịch vụ du lịch, thu thuế ngoài quốc doanh...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận, lợi dụng chính sách

hoàn thuế để chiếm đoạt tiền của NSNN, nhất là các doanh nghiệp, lĩnh vực có nguy cơ không đạt dự toán thu. Thường xuyên rà soát tài khoản tạm thu, tạm giữ để chuyển nộp NSNN đúng quy định; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế mới đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan; công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính thuế, hải quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải xây dựng phát triển quỹ đất để tăng từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, đề ra các giải pháp đồng bộ để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt, trong đó: Cần tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án nhà ở thương mại, các dự án phát triển quỹ đất; đẩy nhanh tiến độ trong việc xác định giá đất cụ thể, xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, nhất là đối với các khu đất đấu giá thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lời đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ để xác định giá khởi điểm, triển khai kịp thời công tác sắp xếp, xử lý tài sản, đấu giá tài sản trên đất gắn liền với đất theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị định 167/NĐ-CP để thực hiện các dự án có liên quan đến tài sản công.

3. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

Thực hiện Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Các Sở, ngành, địa phương điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn đầu tư từ NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ; thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn hướng dẫn, xử lý nợ đọng XDCB. Chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Tăng

cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và thực hiện dự toán; giảm tối đa và công khai các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; hạn chế mua trang thiết bị đắt tiền, mở rộng hình thức khoán xe ô tô đảm bảo hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

- Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo tiến độ các khoản kinh phí đã bố trí trong dự toán NSNN năm 2022 cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

4. Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả.

Các ngành, địa phương cần tăng cường phối hợp chặt chẽ, chủ động phòng chống, phát hiện và xử lý nghiêm nạn buôn lậu, gian lận thương mại và sản xuất kinh doanh hàng giả. Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với các mặt hàng quan trọng, thiết yếu phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2022. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá. Công khai thông tin về giá, điều hành giá để tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” bảo đảm thiết thực, có hiệu quả. Các ngành Tài chính - Công thương - Thuế tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về lĩnh vực giá.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

Các sở, ngành, địa phương tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy hoạch, đề án đã phê duyệt; giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt. Tạo cơ chế nhằm đa dạng hóa các loại hình liên doanh, liên kết giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp ngoài công lập nhằm nâng cao số lượng và chất lượng cung ứng dịch vụ công.

6. Đẩy mạnh việc thoái vốn nhà nước trong các DNNN đã cổ phần hoá theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá thuộc diện Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần, vốn góp theo đề án kế hoạch đã phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai theo đúng lộ trình đã được phê duyệt. Tăng cường chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý tài chính nhà nước và của chủ sở hữu nhà nước. Thực hiện công khai minh bạch kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

7. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các sở, cơ quan đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – ngân sách, đảm bảo các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí ngân sách. Tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm quy định không ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, đề án có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không hoặc chưa cân đối được nguồn. Tập trung chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình, dự án hoàn thành.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh, kiểm tra, kiểm toán đối với những trường hợp vi phạm, gây lãng phí tiền, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên. Yêu cầu hệ thống Kho bạc Nhà nước tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định, nhất là các khoản chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền.

PHẦN III
LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2022-2024

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số

69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 05 năm 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân thông qua; tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh năm 2021; những cơ chế, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành dự kiến thực hiện trong thời gian 03 năm để đảm bảo hoạt động tài chính – ngân sách nhà nước.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2022 và số dự kiến thu, chi được Bộ Tài chính thông báo, UBND tỉnh Quảng Bình lập dự kiến kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước năm 2022-2024 báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (kèm theo phụ lục số 01C), cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước.

- Các khoản thu ngân sách địa phương trên địa bàn dự kiến năm sau tăng so với ước thực hiện năm trước từ 9% đến 11%.

- Các khoản thu bổ sung ngân sách cấp trên, ngoài bổ sung cân đối ổn định, thu bổ sung có mục tiêu căn cứ lộ trình tăng tiền lương và các chế độ chính sách theo quy định.

2. Về chi ngân sách nhà nước.

Dự toán chi ngân sách địa phương được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các chính sách và chế độ chi ngân sách do cấp có thẩm quyền ban hành; được tổng hợp chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, các khoản chi khác và chi tiết theo từng năm, cụ thể.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2021, dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước năm 2022-2024, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 333 /BC - UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện 2020	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện 2021	So sánh với		
			Trung ương	Địa phương		DTTW	DTĐP	TH 2020
	TỔNG THU NSNN ĐỊA PHƯƠNG	13.599.684	12.073.462	13.108.462	14.311.476	118,54	109,18	105,23
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>13.045.122</i>	<i>11.514.562</i>	<i>12.264.562</i>	<i>13.217.052</i>	<i>114,79</i>	<i>107,77</i>	<i>101,32</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	5.959.757	4.393.400	5.428.400	6.493.647	147,80	119,62	108,96
1	Thu cân đối ngân sách	5.761.276	4.178.400	4.928.400	5.776.647	138,25	117,21	100,27
1.1	Thu DNNN TW	146.594	150.000	150.000	160.375	106,92	106,92	109,40
1.2	Thu DNNN ĐP	87.634	106.000	106.000	77.810	73,41	73,41	88,79
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	102.626	70.000	70.000	102.000	145,71	145,71	99,39
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	566.365	580.000	580.000	646.500	111,47	111,47	114,15
1.5	Thu lệ phí trước bạ	281.665	300.000	300.000	312.500	104,17	104,17	110,95
1.6	Thuế SD đất phi NN	7.458	6.000	6.000	7.030	117,17	117,17	94,26
1.7	Thu tiền thuê đất	485.159	145.000	195.000	191.540	132,10	98,23	39,48
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	182.350	165.000	165.000	190.000	115,15	115,15	104,20
1.9	Thu phí, lệ phí	208.924	228.400	228.400	232.800	101,93	101,93	111,43
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>26.460</i>	<i>38.400</i>	<i>38.400</i>	<i>40.000</i>	<i>104,17</i>	<i>104,17</i>	<i>151,17</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>182.464</i>	<i>190.000</i>	<i>190.000</i>	<i>192.800</i>	<i>101,47</i>	<i>101,47</i>	<i>105,66</i>
	<i>Tr.đó: Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>40.608</i>	<i>37.000</i>	<i>37.000</i>	<i>42.270</i>	<i>114,24</i>	<i>114,24</i>	<i>104,09</i>
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.838.051	1.800.000	2.500.000	3.181.000	176,72	127,24	112,08
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	403.417	380.000	380.000	408.000	107,37	107,37	101,14
	<i>- Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>253.345</i>	<i>238.600</i>	<i>238.600</i>	<i>256.224</i>	<i>107,39</i>	<i>107,39</i>	<i>101,14</i>
	<i>- Thu từ hàng hóa SX trong nước</i>	<i>150.072</i>	<i>141.400</i>	<i>141.400</i>	<i>151.776</i>	<i>107,34</i>	<i>107,34</i>	<i>101,14</i>
1.12	Thu khác ngân sách	340.919	150.000	150.000	160.700	107,13	107,13	47,14
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>68.243</i>	<i>55.000</i>	<i>55.000</i>	<i>70.000</i>	<i>127,27</i>	<i>127,27</i>	<i>102,57</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>272.676</i>	<i>95.000</i>	<i>95.000</i>	<i>90.700</i>	<i>95,47</i>	<i>95,47</i>	<i>33,26</i>
	<i>Trong đó Thu xử phạt ATGT</i>	<i>32.297</i>	<i>55.000</i>	<i>55.000</i>	<i>26.500</i>	<i>48,18</i>	<i>48,18</i>	
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	39.612	40.000	40.000	42.625	106,56	106,56	107,61
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>16.182</i>	<i>17.000</i>	<i>17.000</i>	<i>16.000</i>	<i>94,12</i>	<i>94,12</i>	<i>98,88</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>23.279</i>	<i>23.000</i>	<i>23.000</i>	<i>26.625</i>	<i>115,76</i>	<i>115,76</i>	<i>114,37</i>
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	19.527	14.000	14.000	15.250	108,93	108,93	78,10
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	48.491	43.000	43.000	45.000	104,65	104,65	92,80
1.16	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	2.635	1.000	1.000	3.517	351,70	351,70	133,47
2	Thu từ hoạt động XNK	195.188	215.000	500.000	717.000	333,49	143,40	367,34
II	Vay lại Chính phủ	163.117	184.700	184.700	184.700	100,00	100,00	113,23
III	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.476.810	7.495.362	7.495.362	7.633.129	101,84	101,84	102,09

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện 2021	So sánh với		
			Trung ương	Địa phương		DTTW	DTĐP	TH 2020
1	Bổ sung cân đối	4.729.391	4.636.742	4.636.742	4.636.742	100,00	100,00	98,04
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.747.419	2.425.080	2.425.080	2.562.847	105,68	105,68	93,28
3	Bổ sung CTMTQG							
4	Bổ sung làm lương		433.540	433.540	433.540	100,00	100,00	
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	10.901.307	11.514.562	12.264.562	13.217.052	114,79	107,77	121,24
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV+V)	10.901.307	9.089.482	10.445.658	11.398.148	125,40	109,12	104,56
I	Chi đầu tư phát triển	4.190.117	2.483.100	3.014.736	3.753.100	151,15	124,49	89,57
1	Chi xây dựng cơ bản	4.189.217	2.483.100	3.013.736	3.752.100	151,11	124,50	
a	Vốn tập trung trong nước	0	455.400	455.400	455.400	100,00	100,00	
b	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	0	1.800.000	2.280.636	3.017.000	167,61	132,29	
c	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0	43.000	43.000	45.000	104,65	104,65	
d	Chi từ nguồn vay lại Chính phủ	0	184.700	184.700	184.700			
e	Chi hoàn ứng quỹ phát triển đất			50.000	50.000			
2	Hỗ trợ doanh nghiệp	900		1.000	1.000		100,00	111,11
II	Chi thường xuyên	6.642.597	6.419.986	7.208.797	7.601.048	118,40	105,44	114,43
1	Chi SN kinh tế	980.176		1.307.025	1.176.323		90,00	120,01
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	2.570.270	3.021.231	3.021.231	3.021.223	100,00	100,00	117,54
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	607.158		430.881	661.503		153,52	108,95
4	Chi SN Văn hóa-TTDL	100.247		93.826	100.000		106,58	99,75
5	Chi SN khoa học và công nghệ	21.878	23.663	32.796	32.000	135,23	97,57	146,27
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình	45.020		35.718	40.000		111,99	88,85
7	Chi đảm bảo xã hội	315.139		332.176	395.073		118,93	125,36
8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể	1.506.343		1.351.640	1.574.926		116,52	104,55
9	Chi ANQP địa phương	292.771		138.293	150.000		108,47	51,23
10	Chi khác ngân sách	120.959		283.154	300.000		105,95	248,02
11	Chi hoạt động môi trường	82.637	79.091	135.856	150.000	189,65	110,41	181,52
12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm			46.201				
III	Chi dự phòng ngân sách		178.096	203.625				
IV	Chi bổ sung quỹ DTTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00	100,00
V	Chi trả nợ vay gốc và lãi vay	67.593	7.300	17.500	43.000			
B	Chi vốn chương trình mục tiêu		2.425.080	1.818.904	1.818.904	75,00	100,00	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 333 /BC-UBND ngày 22 tháng M năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện 2021	Dự toán 2022		So sánh DT 2022		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2021	ƯTH 2021	DTTW 2022
A	PHẦN THU								
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	12.073.462	13.108.462	14.311.476	13.264.979	14.262.979	109%	100%	108%
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>11.514.562</i>	<i>12.264.562</i>	<i>13.217.052</i>	<i>12.748.879</i>	<i>13.528.379</i>	<i>110%</i>	<i>102%</i>	<i>106%</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	4.393.400	5.428.400	6.493.647	5.002.000	6.000.000	111%	92%	120%
1	Thu cân đối ngân sách	4.178.400	4.928.400	5.776.647	4.782.000	5.600.000	114%	97%	117%
1.1	Thu DNNN TW	150.000	150.000	160.375	155.000	155.000	103%	97%	100%
1.2	Thu DNNN ĐP	106.000	106.000	77.810	73.000	73.000	69%	94%	100%
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	70.000	70.000	102.000	216.000	216.000	309%	212%	100%
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	580.000	580.000	646.500	635.000	635.000	109%	98%	100%
1.5	Thu thuế trước bạ	300.000	300.000	312.500	360.000	360.000	120%	115%	100%
1.6	Thuế SD đất phi NN	6.000	6.000	7.030	7.000	7.000	117%	100%	100%
1.7	Thu tiền thuê đất	145.000	195.000	191.540	120.000	120.000	62%	63%	100%
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	165.000	165.000	190.000	200.000	200.000	121%	105%	100%
1.9	Thu phí, lệ phí	228.400	228.400	232.800	226.000	226.000	99%	97%	100%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>38.400</i>	<i>38.400</i>	<i>40.000</i>	<i>40.000</i>	<i>40.000</i>	<i>104%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>190.000</i>	<i>190.000</i>	<i>192.800</i>	<i>186.000</i>	<i>186.000</i>	<i>98%</i>	<i>96%</i>	<i>100%</i>
	<i>Trong đó: Phí BVMT đối với KTKS</i>	<i>37.000</i>	<i>37.000</i>	<i>42.270</i>	<i>40.000</i>	<i>40.000</i>	<i>108%</i>	<i>95%</i>	<i>100%</i>
1.10	Thu tiền sử dụng đất	1.800.000	2.500.000	3.181.000	2.200.000	2.944.000	118%	93%	134%
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	380.000	380.000	408.000	346.000	420.000	111%	103%	121%
	<i>- Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>238.600</i>	<i>238.600</i>	<i>256.224</i>	<i>179.900</i>	<i>218.400</i>	<i>92%</i>	<i>85%</i>	<i>121%</i>
	<i>- Thu từ hàng hóa SX trong nước</i>	<i>141.400</i>	<i>141.400</i>	<i>151.776</i>	<i>166.100</i>	<i>201.600</i>	<i>143%</i>	<i>133%</i>	<i>121%</i>
1.12	Thu khác ngân sách	150.000	150.000	160.700	143.000	143.000	95%	89%	100%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>55.000</i>	<i>55.000</i>	<i>70.000</i>	<i>65.000</i>	<i>65.000</i>	<i>118%</i>	<i>93%</i>	<i>100%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>95.000</i>	<i>95.000</i>	<i>90.700</i>	<i>78.000</i>	<i>78.000</i>	<i>82%</i>	<i>86%</i>	<i>100%</i>
	<i>Trong đó Thu xử phạt ATGT</i>	<i>55.000</i>	<i>55.000</i>	<i>26.500</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	<i>55%</i>	<i>113%</i>	<i>100%</i>
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	40.000	40.000	42.625	40.000	40.000	100%	94%	100%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>17.000</i>	<i>17.000</i>	<i>16.000</i>	<i>16.000</i>	<i>16.000</i>	<i>94%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>23.000</i>	<i>23.000</i>	<i>26.625</i>	<i>24.000</i>	<i>24.000</i>	<i>104%</i>	<i>90%</i>	<i>100%</i>
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	15.250	14.000	14.000	100%	92%	100%
1.15	Thu Xô số kiến thiết	43.000	43.000	45.000	45.000	45.000	105%	100%	100%
1.16	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	1.000	1.000	3.517	2.000	2.000	200%	57%	100%
2	Thu từ XNK	215.000	500.000	717.000	220.000	400.000	80%	56%	182%

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện 2021	Dự toán 2022		So sánh DT 2022		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2021	ƯTH 2021	DTTW 2022
II	Vay lại Chính phủ	184.700	184.700	184.700	422.000	422.000	228%	228%	100%
III	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.495.362	7.495.362	7.633.129	7.840.979	7.840.979	105%	103%	100%
1	Bổ sung cân đối	4.636.742	4.636.742	4.636.742	5.207.187	5.207.187	112%	112%	100%
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.425.080	2.425.080	2.562.847	2.633.792	2.633.792	109%	103%	100%
3	Bổ sung làm lương	433.540	433.540	433.540			0%	0%	
PHẦN CHI									
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	11.514.562	12.264.562	13.217.052	12.748.879	13.528.379	110%	102%	106%
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV+V)	9.089.482	10.445.658	11.398.148	10.115.087	10.983.943	105%	96%	109%
I	Chi đầu tư phát triển	2.483.100	3.014.736	3.753.100	3.077.100	3.724.370	124%	99%	121%
1	Chi xây dựng cơ bản	2.483.100	3.013.736	3.752.100	3.077.100	3.724.370	124%	99%	121%
1.1	Vốn tập trung trong nước	455.400	455.400	455.400	455.400	455.400	100%	100%	100%
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp					30.000			
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	1.800.000	2.330.636	3.067.000	2.154.700	2.771.970	119%	90%	129%
1.4	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000	43.000	45.000	45.000	45.000	105%	100%	100%
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ	184.700	184.700	184.700	422.000	422.000	228%	228%	100%
2	Hỗ trợ doanh nghiệp		1.000	1.000			0%	0%	
II	Chi thường xuyên	6.419.986	7.208.797	7.601.048	6.797.825	6.883.657	95%	91%	101%
1	Chi SN kinh tế		1.307.025	1.176.323		796.138	61%	68%	
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.021.231	3.021.231	3.021.223	3.126.620	3.126.620	103%	103%	100%
3	Chi SN Y tế, dân số và gia đình		430.881	661.503		535.188	124%	81%	
4	Chi SN Văn hóa-TTDL		93.826	100.000		84.850	90%	85%	
5	Chi SN khoa học và công nghệ	23.663	32.796	32.000	24.371	27.571	84%	86%	113%
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình		35.718	40.000		37.235	104%	93%	
7	Chi đảm bảo xã hội		332.176	395.073		515.421	155%	130%	
8	Chi QL.HC-Đảng, Đoàn thể		1.351.640	1.574.926		1.251.841	93%	79%	
9	Chi ANQP địa phương		138.293	150.000		213.916	155%	143%	
10	Chi khác ngân sách		283.154	300.000		52.777	19%	18%	
11	Chi hoạt động môi trường	79.091	135.856	150.000	217.252	217.252	160%	145%	100%
12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm		46.201	0		24.850	54%		
III	Chi dự phòng ngân sách	178.096	203.625	0	193.862	309.332	152%		160%
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	100%	100%	100%
V	Chi trả nợ gốc và lãi vay	7.300	17.500	43.000	45.300	65.584	375%	153%	145%
B	Chi vốn chương trình mục tiêu	2.425.080	1.818.904	1.818.904	2.633.792	2.544.436	140%	140%	97%

PHỤ LỤC SỐ 03

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CHI NSNN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2022-2024

(Kèm theo Báo cáo số 333 /BC-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện 2021	Dự toán năm 2022		Dự kiến 2023	Dự kiến 2024
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương		
	PHẦN THU							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	12.073.462	13.108.462	14.311.476	13.264.979	14.262.979	14.274.979	14.505.179
	Trong đó: ĐP được hưởng	11.514.562	12.264.562	13.217.052	12.748.879	13.528.379	13.558.935	13.743.981
I	Thu tại địa bàn (1+2)	4.393.400	5.428.400	6.493.647	5.002.000	6.000.000	6.084.000	6.510.200
1	Thu cân đối ngân sách	4.178.400	4.928.400	5.776.647	4.782.000	5.600.000	5.734.000	6.130.200
1.1	Thu từ khu vực DNNN Trung ương	150.000	150.000	160.375	155.000	155.000	170.500	190.000
1.2	Thu từ khu vực DNNN Địa phương	106.000	106.000	77.810	73.000	73.000	140.000	160.000
1.3	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN	70.000	70.000	102.000	216.000	216.000	70.000	80.000
1.4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	580.000	580.000	646.500	635.000	635.000	698.500	780.000
1.5	Thu thuế trước bạ	300.000	300.000	312.500	360.000	360.000	450.000	550.000
1.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	6.000	7.030	7.000	7.000	7.000	7.000
1.7	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	145.000	195.000	191.540	120.000	120.000	170.000	200.000
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	165.000	165.000	190.000	200.000	200.000	250.000	280.000
1.9	Thu phí, lệ phí	228.400	228.400	232.800	226.000	226.000	310.000	350.000
	- Trung ương	38.400	38.400	40.000	40.000	40.000	40.000	45.000
	- Địa phương	190.000	190.000	192.800	186.000	186.000	270.000	305.000
	T. đó: Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	37.000	37.000	42.270	40.000	40.000	41.000	46.000
1.10	Thu tiền sử dụng đất	1.800.000	2.500.000	3.181.000	2.200.000	2.944.000	2.700.000	2.700.000
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	380.000	380.000	408.000	346.000	420.000	462.000	508.200
	+ Số thu NSTW hưởng	238.600	238.600	256.224	179.900	218.400	236.544	260.198
	+ Số thu phân chia NSTW và NSDP	141.400	141.400	151.776	166.100	201.600	225.456	248.002
1.12	Thu khác ngân sách	150.000	150.000	160.700	143.000	143.000	193.000	201.000
	Bao gồm: - Trung ương	55.000	55.000	70.000	65.000	65.000	71.500	56.000
	- Địa phương	95.000	95.000	90.700	78.000	78.000	121.500	145.000
	Tr. đó: Thu xử phạt ATGT	55.000	55.000	26.500	30.000	30.000	50.000	55.000
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	40.000	40.000	42.625	40.000	40.000	44.000	55.000
	- Thu từ các mô do TW cấp	17.000	17.000	16.000	16.000	16.000	18.000	20.000
	- Thu từ các mô do ĐP cấp	23.000	23.000	26.625	24.000	24.000	26.000	35.000
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	15.250	14.000	14.000	18.000	18.000
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	43.000	43.000	45.000	45.000	45.000	50.000	50.000
1.16	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	1.000	1.000	3.517	2.000	2.000	1.000	1.000
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	215.000	500.000	717.000	220.000	400.000	350.000	380.000
II	Thu vay Chính phủ	184.700	184.700	184.700	422.000	422.000	350.000	154.000
III	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.495.362	7.495.362	7.633.129	7.840.979	7.840.979	7.840.979	7.840.979
1	Bổ sung cân đối	4.636.742	4.636.742	4.636.742	5.207.187	5.207.187	5.207.187	5.207.187
2	Bổ sung theo mục tiêu	2.425.080	2.425.080	2.562.847	2.633.792	2.633.792	2.633.792	2.633.792
3	Bổ sung C. trình MTQG	433.540	433.540	433.540	0	0	0	0
4	Bổ sung làm lương	0	0	0	0	0	0	0
	PHẦN CHI						0	0
A	Tổng chi NSDP (I+II)	11.514.562	12.264.562	13.217.052	12.748.879	13.528.379	13.558.935	13.743.980

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện 2021	Dự toán năm 2022		Dự kiến 2023	Dự kiến 2024
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương		
I	Chi cân đối NSDP (1+2+3+4+5+6)	9.089.482	10.445.658	11.398.148	10.115.087	10.983.943	10.920.335	11.090.749
1	Chi đầu tư phát triển	2.483.100	3.014.736	3.753.100	3.077.100	3.724.370	3.267.253	3.261.620
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.483.100	3.013.736	3.752.100	3.077.100	3.724.370	3.267.253	3.261.620
1.1	Vốn tập trung trong nước	455.400	455.400	455.400	455.400	455.400	455.400	455.400
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp	0	0	0	0	30.000	30.000	30.000
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	1.800.000	2.330.636	3.067.000	2.154.700	2.771.970	2.605.836	2.591.205
1.4	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000	43.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
1.5	Chi từ nguồn vay lại Chính phủ	184.700	184.700	184.700	422.000	422.000	131.017	140.015
2	Hỗ trợ doanh nghiệp	0	1.000	1.000			0	0
2	Chi thường xuyên	6.419.986	7.208.797	7.601.048	6.797.825	6.883.657	7.327.746	7.498.731
2.1	Chi các hoạt động kinh tế	0	1.307.025	1.176.323	0	796.138	975.541	974.249
2.2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.021.231	3.021.231	3.021.223	3.126.620	3.126.620	3.189.153	3.263.411
2.3	Chi y tế, dân số và gia đình	0	430.881	661.503	0	535.188	545.891	540.000
2.4	Chi văn hóa thông tin, thể dục, thể thao	0	93.826	100.000	0	84.850	86.547	98.000
2.5	Chi khoa học và công nghệ	23.663	32.796	32.000	24.371	27.571	28.122	27.000
2.6	Chi phát thanh, truyền hình	0	35.718	40.000	0	37.235	37.979	41.777
2.7	Chi bảo đảm xã hội	0	332.176	395.073	0	515.421	580.693	658.622
2.8	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	0	1.351.640	1.574.926	0	1.251.841	1.276.878	1.283.262
2.9	Chi quốc phòng, an ninh	0	138.293	150.000	0	213.916	224.611	248.195
2.10	Chi sự nghiệp khác	0	283.154	300.000	0	52.777	55.416	61.234
2.11	Chi bảo vệ môi trường	79.091	135.856	150.000	217.252	217.252	228.115	239.520
2.12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm	0	46.201	0	0	24.850		
3	Dự phòng ngân sách	178.096	203.625	0	193.862	309.332	324.337	329.398
4	Chi bổ sung quỹ ĐTTT	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
5	Chi trả nợ gốc và lãi vay	7.300	17.500	43.000	45.300	65.584	94.164	108.795
II	Chi vốn chương trình mục tiêu	2.425.080	1.818.904	1.818.904	2.633.792	2.544.436	2.544.436	2.544.436
III	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP							